

Bản án số: 64/2025/HC-PT

Ngày 14-01-2025

V/v: “Khiếu kiện quyết định hành chính
trong lĩnh vực quản lý đất đai”.

NHÂN DANH

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Hồ Tâm Tú

Các Thẩm phán: Ông Trần Văn Mười

Ông Trần Ngọc Tuấn

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Tường Vi, Thư ký Tòa án nhân dân cấp cao
tại Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh:
Ông Đỗ Phước Trung – Kiểm sát viên tham gia phiên tòa.

Ngày 14 tháng 01 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh, xét xử phúc thẩm công khai vụ án hành chính thụ lý số 1071/2024/TLPT-HC ngày 11 tháng 11 năm 2024 về việc “Khiếu kiện quyết định hành chính trong lĩnh vực quản lý đất đai”.

Do Bản án hành chính sơ thẩm số 213/2024/HC-ST ngày 12 tháng 6 năm 2024 của Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 3665/2024/QĐ-PT ngày 30 tháng 12 năm 2024, giữa các đương sự:

- Người khởi kiện: Bà Dương Thị H, sinh năm 1950;

Địa chỉ: Số B tỉnh lộ 9, Tổ A, Ấp E, xã B, huyện C, Thành phố Hồ Chí Minh. Có mặt.

Người đại diện hợp pháp của người khởi kiện: Ông Nguyễn Văn Bé B, sinh năm 1981; địa chỉ: Tổ B, khu phố K, phường T, thị xã T, tỉnh Bình Dương. Là người đại diện theo ủy quyền (Được ủy quyền theo văn bản ủy quyền ngày 27 tháng 02 năm 2023). Có mặt.

- Người bị kiện: Ủy ban nhân dân huyện C, Thành phố Hồ Chí Minh.

Địa chỉ trụ sở: Tỉnh lộ 8, Khu phố G, thị trấn C, huyện C, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện theo ủy quyền của người bị kiện: Ông Nguyễn Thanh P – Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện C (Được ủy quyền theo văn bản ủy quyền số 9271/UQ-UBND, ngày 29 tháng 8 năm 2023). Có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của người bị kiện: Ông Võ Thành N, chức vụ: Phó Trưởng ban Ban bồi thường và giải phóng mặt bằng huyện C; ông Nguyễn Thanh S, chức vụ: Chuyên viên Ban bồi thường và giải phóng mặt bằng huyện C. Có mặt.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1. Bà Dương Thị Cẩm T, sinh năm 1974;

Địa chỉ: Số B, Tỉnh lộ 9, Tổ A, Ấp E, xã B, huyện C, Thành phố Hồ Chí Minh. Vắng mặt.

2. Bà Lê Cẩm H1, sinh năm 1977;

Địa chỉ: Số B, Tỉnh lộ 9, Tổ A, Ấp E, xã B, huyện C, Thành phố Hồ Chí Minh. Có mặt.

3. Ông Phan Duy T1, sinh năm 1984;

Địa chỉ: Số B, Tỉnh lộ 9, Tổ A, Ấp E, xã B, huyện C, Thành phố Hồ Chí Minh. Có mặt.

4. Ủy ban nhân dân xã B, huyện C, Thành phố Hồ Chí Minh.

Địa chỉ trụ sở: Số G, đường H (Tỉnh lộ 9), xã B, huyện C, Thành phố Hồ Chí Minh. Có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

- Người kháng cáo: Dương Thị H là người khởi kiện.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện, các biên bản đối thoại, các lời trình bày tại tòa, Bản án sơ thẩm, người khởi kiện bà Dương Thị H trình bày:

Nhà đất của bà Dương Thị H được Ủy ban nhân dân (sau đây viết tắt là UBND) huyện C cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 452/QSDD/ĐG.CHKD ngày 24/12/1989 với tổng diện tích 4.566m², trong đó có 46m² đất ở và Giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà ở và quyền sử dụng đất ở số CHO 2087 ngày 14/11/2010 với diện tích 1.190,3 m², trong đó có 250m² đất ở tọa lạc tại Ấp E, xã B, huyện C, Thành phố Hồ Chí Minh.

Trong phạm vi nhà, đất bị thu hồi thực hiện dự án đầu tư sửa chữa, nâng cấp đường Tỉnh lộ 9 (10 cầu) tại xã B, huyện C có một phần nhà, đất của bà H và ba người con bà H bị thu hồi và giải tỏa trắng hai căn nhà theo biên bản kiểm kê

hiện trạng nhà, đất vật kiến trúc, cây cối, hoa màu trên đất phải giải tỏa ngày 13/10/2011.

Bà Dương Thị H có các yêu cầu khởi kiện sau:

1. Hủy Quyết định số 11784/QĐ-UBND ngày 24/12/2012 của UBND huyện C về việc thu hồi đất bị ảnh hưởng bởi Dự án đầu tư sửa chữa, nâng cấp đường Tỉnh lộ 9 (10 cầu), tại xã B, huyện C đối với bà Dương Thị H;

2. Hủy Quyết định số 7035/QĐ-UBND ngày 30/8/2016 của UBND huyện C về việc bồi thường, hỗ trợ thiệt hại và tái định cư trong dự án đầu tư sửa chữa, nâng cấp đường Tỉnh lộ 9 (10 cầu), tại xã B, huyện C đối với bà Dương Thị H;

3. Quyết định số 6886/QĐ-UBND ngày 24/8/2016 của UBND huyện C về việc thu hồi, hủy bỏ Quyết định số 7303/QĐ-UBND ngày 01/10/2015 của UBND huyện C về việc bồi thường, hỗ trợ thiệt hại và tái định cư trong Dự án đầu tư sửa chữa, nâng cấp đường Tỉnh lộ 9 (10 cầu), tại xã B, huyện C đối với bà Dương Thị H.

Bà H yêu cầu bồi thường theo giá thị trường, Ủy ban bồi thường đơn giá quá thấp và áp dụng pháp luật không đúng quy định.

Người bị kiện là Ủy ban nhân dân huyện C trình bày như sau:

Về quá trình giải quyết bồi thường cho hộ bà Dương Thị H:

Bà Dương Thị H đã được UBND huyện C cấp 02 Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất với tổng diện tích 5.756,3m² (đã chuyển nhượng 1.867,2m² còn lại 3.889,1m²), gồm:

- Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 452/QSDĐ/ĐG.CMXD ngày 24/12/1999 với tổng diện tích 4.566 m² thuộc các thửa 86 diện tích 1.949m² loại đất vườn, thửa 85 diện tích 1.835m² loại đất màu, thửa 87 diện tích 736m² loại đất ao và thửa 420 diện tích 46m² loại đất thổ cư do chuyển mục đích từ đất thổ vườn sang đất thổ cư, thuộc tờ bản đồ số 11, tài liệu 02/CT-UB (Giấy chứng nhận này được cấp đổi từ Giấy chứng nhận số 2924 QSDĐ ngày 01/8/1995).

Năm 2007, bà H tặng cho con là ông Phan Duy T1 phần đất diện tích 1.018,9m², ông T1 đã hợp thức hóa 64,9m² đất ở sau đó chuyển nhượng lại toàn bộ phần đất trên cho ông Nguyễn Văn M và bà Nguyễn Thị N1.

Năm 2014, bà H tiếp tục chuyển nhượng phần đất diện tích 848,3m² cho bà Văn Thị N2 và bà N2 đã được UBND huyện C cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

- Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CH02087 ngày 16/12/2010 với tổng diện tích 1.190,3m² thuộc thửa số 558, tờ bản đồ số 24 (tài liệu bản đồ số), theo tài liệu bản đồ 02/CT-UB thuộc một phần thửa 88, trọn thửa 89, tờ bản đồ số 11, thuộc bộ địa chính xã B. Năm 2011 bà Dương Thị H lập thủ tục xin chuyển mục đích sử dụng từ loại đất nông nghiệp trồng cây lâu năm sang mục đích đất ở với diện tích 250m² (theo Quyết định cho phép chuyển mục đích sử dụng đất số 11727/QĐ-UBND ngày 14/11/2011 của UBND huyện C). Qua kiểm tra thì phần diện tích 250m² đất ở này nằm ngoài ranh bồi thường của dự án.

Trong dự án đầu tư xây dựng công trình sửa chữa, nâng cấp đường T (10 cầu) tại xã B, huyện C, bà Dương Thị H bị ảnh hưởng phần đất có tổng diện tích 820,7m²/3.889,1m² thuộc một phần các thửa 86, 87, tờ bản đồ số 11 (tài liệu bản đồ 02/CT-UB) và một phần thửa 558 và rạch, tờ bản đồ số 24, theo tài liệu bản đồ kỹ thuật số, bộ địa chính xã B.

Tổng nhân khẩu theo sổ hộ khẩu số: 130020947 là 04 người, trong đó bà H ở cùng 01 người con trai là Phan Duy Tân S1 năm: 1984, 01 người con gái Dương Thị Cẩm T sinh năm: 1974 và 01 người con rể là Bùi Trung H2 sinh năm: 1972.

Hiện trạng trên mặt bằng khu đất của bà H bị ảnh hưởng gồm:

+ Mái tole (chỗ đúc chấu kiếng) tách riêng biệt không gắn với nhà chính của bà H, có diện tích ảnh hưởng 209,2m²/240,1m², kết cấu: cột gỗ, nền đất, mái tole. Nhà chính của bà H không ảnh hưởng dự án.

+ Cho con Phan Duy T1 cất nhà bị ảnh hưởng diện tích: 100.2m²/105,5m², rộng 5,59m, dài 14,47m, kết cấu mái tole, xà gồ sắt, cột sắt, nền bê tông, không có nhà bếp và nhà vệ sinh. Bà H vẫn còn đứng giấy đất, chưa tách hộ khẩu riêng, ông T1 chưa lập gia đình.

+ Cho con Dương Thị Cẩm T cất nhà căn thứ nhất bị ảnh hưởng diện tích: 115,90m²/121,3 m², rộng trung bình 7,38m, dài 14,47m, kết cấu: kết cấu mái tole, xà gồ sắt, cột sắt, nền bê tông không có nhà bếp và nhà vệ sinh. Căn thứ hai ảnh hưởng: 43,00m²/47,9m², rộng trung bình 4,37m, dài 11,69m, kết cấu: Mái tole, xà gồ sắt, la phong tole lạnh, cột gạch, nền gạch ceramic, tường gạch xây tô, có nhà bếp và nhà vệ sinh. Bà H vẫn còn đứng giấy đất, chưa tách hộ khẩu riêng.

+ Cho con Lê Cẩm H1 sinh năm 1977, cất nhà bị ảnh hưởng diện tích: 24,8m²/79,6m², rộng 6,49m, dài 12,42m, kết cấu: Mái tole, xà gồ sắt, la phong tole lạnh, cột gạch, nền gạch ceramic, tường gạch xây tô (có một phần vách tole). Bà H vẫn còn đứng giấy đất, đã tách hộ khẩu riêng.

Ngoài ra trên đất còn một số vật kiến trúc cây cối, hoa màu khác bị ảnh hưởng.

- + Hàng rào lưới B40 khung sắt ảnh hưởng diện tích: $31,4\text{m}^2$.
- + Hàng rào lưới B40 trụ bê tông đúc sẵn ảnh hưởng diện tích: $63,0\text{m}^2$.
- + Sân bê tông ảnh hưởng diện tích: $27,8\text{m}^2$.
- + Cây xoài 01 cây loại trong thời kỳ bắt đầu cho trái.
- + Cây dừa 04 cây loại trong thời kỳ cho trái ổn định.
- + Cây lộc vừng 10 cây $\pi=15$, cao 4m.
- + Cây đu đủ 01 cây loại trong thời kỳ cho trái ổn định.
- + Cây cau kiểng vàng 02 cây $\pi=15$, cao 3m.
- + Chuối 50 cây loại trong thời kỳ cho trái ổn định.
- + Xả 3m^2 ; Bạc hà 1m^2 ; cây gừa 01 cây $\pi=50$.
- + Mít 101 cây thời kỳ kiến thiết cơ bản.

Sau khi tiến hành kiểm kê xong vào ngày 13/10/2011 (theo biên bản kiểm kê số BĐ008), Ban Bồi thường – giải phóng mặt bằng huyện tiến hành áp giá hồ sơ bà H theo biên bản xét năm xây dựng nhà của UBND xã B vào ngày 14/01/2013 và ngày 08/4/2013 (trong đó năm xây dựng nhà của bà H vào năm 1997, ông T1 xây dựng 1980, bà T xây dựng tháng 11/1992, bà H1 xây dựng 1994), sau khi áp giá xong, Ban Bồi thường – giải phóng mặt bằng huyện tham mưu UBND huyện ban hành Quyết định thu hồi đất số: 11784/QĐ-UBND ngày 24/12/2012 và Quyết định số: 7776/QĐ-UBND ngày 05/8/2013 về bồi thường, hỗ trợ thiệt hại khi Nhà nước thu hồi đất để đầu tư xây dựng dự án đầu tư sửa chữa, nâng cấp đường Tỉnh lộ 9 (10 cầu) xã B, huyện C cho ông(bà) Dương Thị H, cư ngụ tại Ấp E, xã B, huyện C, Tp ., với tổng số tiền: 2.283.085.219đ bao gồm:

- Hỗ trợ đất ở mặt tiền đường Tỉnh lộ 9 (do chuyển mục đích sử dụng làm nhà ở trước ngày 15/10/1993): $209,2\text{m}^2 \times 5.000.000\text{đ}/\text{m}^2 = 1.046.000.000\text{đ}$.

- Bồi thường, hỗ trợ đất nông nghiệp trong khu dân cư mặt tiền Tỉnh lộ 9: $611,5\text{m}^2 \times 802.500\text{đ}/\text{m}^2 = 490.728.750\text{đ}$; cây cối, hoa màu: 31.189.000đ; nhà cửa: 651.333.600đ; bồi thường tài sản khác: 61.833.869đ (bao gồm: sân bê tông, hàng rào lưới B40, giếng khoan, chi phí di dời điện kế); hỗ trợ di chuyển nhà: 2.000.000đ.

Không đồng ý với Quyết định bồi thường nêu trên, Bà H làm đơn khởi kiện tại Tòa án nhân dân huyện Củ Chi, sau 02 buổi đối thoại tại Tòa án huyện, Ban Bồi thường – giải phóng mặt bằng huyện có báo cáo Hội đồng bồi thường dự án về trường hợp hộ bà Dương Thị H đề nghị tách hồ sơ bồi thường riêng cho bà H và các con bà H.

Ngày 13/02/2015 Hội đồng bồi thường – giải phóng mặt bằng dự án có Công văn số 1196/ UBND-BTGPMB về việc xin ý kiến giải quyết vướng mắc trong việc bồi thường đất đối với hộ bà Dương Thị H bị ảnh hưởng trong dự án xây dựng đường Tỉnh lộ 9 (10 cầu), xã B, huyện C.

Ngày 27/4/2015, UBND Thành phố H có Công văn số 2305/UBND-ĐTMT, có nội dung: Chấp thuận theo đề nghị của Hội đồng Thẩm định bồi thường Thành phố tại Công văn số 299/HĐTĐBT-TTr ngày 08/4/2015 cho áp dụng khoản 2, Điều 15 của Quyết định số 35/QĐ-UBND ngày 28/5/2010 của UBND Thành phố ban hành quy định về bồi thường, hỗ trợ và tái định cư khi nhà nước thu hồi đất trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh, có quy định: “Trường hợp tự chuyển mục đích sử dụng làm nhà ở từ ngày 15/10/1993 đến trước ngày có Quyết định thu hồi đất hoặc trước ngày công bố quy hoạch, cấm mốc phạm vi hành lang bảo vệ các công trình hạ tầng kỹ thuật và trước ngày 22/4/2002, thì người đang sử dụng đất được hỗ trợ về đất ở bằng 100% đơn giá, nhưng phải trừ đi tiền sử dụng đất phải nộp theo mức thu quy định” để hỗ trợ 03 người con bà H và bà H (diện tích đất để tính hỗ trợ cho từng hộ là diện tích thực tế xây dựng) nhằm đẩy nhanh tiến độ triển khai dự án nếu chỉ có một trường hợp duy nhất để không ảnh hưởng đất dây các trường hợp khác trong dự án.

Căn cứ Công văn trên, Ban bồi thường đã chiết tính tách hồ sơ bồi thường của bà Dương Thị H cụ thể như sau:

1) Tách từ hồ sơ kiểm kê ngày 13/10/2011 của bà Dương Thị H trước đây thành:

- Diện tích đất bị ảnh hưởng thu hồi: 469,5m²;
- Phần diện tích mái tole bị ảnh hưởng/ diện tích sử dụng: 209,2m²/240,1m² (kết cấu cột gỗ, nền đất, mái tole).
- Hàng rào lưới B40 khung sắt: 50,04m².
- Hoa màu gồm: xoài (01 cây), dừa (04 cây), lộc vừng (10 cây), đu đủ (01 cây), cau kiểng (02 cây), chuối (50 cây), xả (03 bụi), bạc hà (1m²), gừa (1 cây), mít (101 cây).

b) Sau đó điều chỉnh hồ sơ kiểm kê mới cho bà Dương Thị H vào ngày 17/11/2014:

- Diện tích đất bị ảnh hưởng thu hồi: 494m²;
- Phần diện tích mái tole bị ảnh hưởng/ diện tích sử dụng: 122,4m²/122,4m² (kết cấu cột sắt, xà gỗ sắt, nền đất, mái tole).
- Hàng rào lưới B40 khung sắt: 50,04m².

* Qua đo đạc thực tế phần diện tích đất bị ảnh hưởng của bà Dương Thị H có chênh lệch tăng 199,5m² so với diện tích ban đầu, trong đó gồm : 24,5m² là phần bờ đất tiếp giáp rạch và 175m² là phần rạch hiện hữu.

Qua đo đạc thực tế xác định phần diện tích đất của hộ bà H có sự chênh lệch so với trước đây (chênh lệch tăng) nên Ban Bồi thường đã chuyển hồ sơ của bà H và các người con của bà H qua Phòng Tài nguyên – Môi trường huyện tham mưu UBND huyện ban hành Quyết định số 6511/QĐ-UBND ngày 26/8/2015 về việc điều chỉnh một phần Quyết định số 11784/QĐ-UBND ngày 24/12/2012 của UBND huyện C về thu hồi đất bị ảnh hưởng bởi dự án đầu tư sửa chữa, nâng cấp đường Tỉnh lộ 9 (10 cầu), xã B, huyện C đối với bà Dương Thị H.

Từ: “Thu hồi 820,7m² đất của bà Dương Thị H cư ngụ tại ấp E, xã B, thuộc thửa đất số 94-1, 95-1, 558-1 và rạch; tờ bản đồ số 24 (theo tài liệu đo đạc năm 2003), thành thu hồi 869,6m² đất của bà H tờ bản đồ số 11 (tài liệu bản đồ 02/CT-UB) và một phần thửa 558 và rạch, thuộc thửa đất số 94-1, 95-1, 558-1 và rạch, @ đường; tờ bản đồ số 24 (theo tài liệu đo đạc năm 2003). Diện tích có tăng 48,9m² do bổ sung phần diện tích @ đường.

Sau khi có Quyết định thu hồi đất điều chỉnh Ban Bồi thường – giải phóng mặt bằng huyện đã chiết tính lại hồ sơ bà H như sau:

UBND huyện C ban hành Quyết định số 7303/QĐ-UBND ngày 01/10/2015 về việc bồi thường, hỗ trợ thiệt hại và tái định cư trong dự án đầu tư sửa chữa, nâng cấp đường Tỉnh lộ 9 (10 cầu) xã B, huyện C, Thành phố Hồ Chí Minh, đối với ông(bà) Dương Thị H với số tiền: 1.380.821.698đ, gồm:

Hỗ trợ đất ở mặt tiền Tỉnh lộ 9 trừ đi phần tiền vượt hạn mức đất ở là: 209,2m² x 4.615.000đ = 965.458.000đ; Bồi thường hỗ trợ đất nông nghiệp trong khu dân cư: 300,1m² x 802.500đ = 240.830.250đ; Cây cối hoa màu: 31.189.000đ; nhà cửa: 126.772.800đ; Vật kiến trúc: 14.571.648đ; Hỗ trợ di chuyển nhà: 2.000.000đ

Không đồng ý với quyết định bồi thường trên, bà H tiếp tục khiếu nại và đã được UBND huyện C họp đối thoại giải quyết khiếu nại.

Ngày 27/1/2016 UBND huyện C có Thông báo số 31/TB-VP có nội dung như sau:

Về trường hợp bà H, giao Ban Bồi thường – giải phóng mặt bằng huyện tham mưu Thường trực UBND huyện văn bản xin ý kiến UBND Thành phố, Hội đồng thẩm định bồi thường Thành phố về kiến nghị thu hồi bồi thường đối với phần đất rạch có diện tích 124,3m².

Thực hiện ý kiến chỉ đạo trên Ban Bồi thường – giải phóng mặt bằng huyện tham mưu UBND huyện văn bản số 705/UBND-BTGPMB ngày 27/1/2016 V/v xác định diện tích đất để chiết tính bồi thường, hỗ trợ khi Nhà nước thu hồi đất trong dự án đầu tư sửa chữa, nâng cấp đường Tỉnh lộ 9 (10 cầu) đối với hộ bà Dương Thị H, gửi Hội đồng thẩm định bồi thường thành phố xem xét chấp thuận bồi thường phần diện tích đất rạch 124,3m² cho bà Dương Thị H.

Sau khi tiếp nhận Công văn của UBND huyện C, Hội đồng thẩm định bồi thường Thành phố có văn bản số 114/HĐTĐBT-TTr ngày 16 tháng 3 năm 2016 V/v bồi thường, hỗ trợ đối với trường hợp bà Dương Thị H trong dự án đầu tư sửa chữa, nâng cấp đường Tỉnh lộ 9 (10 cầu), xã B, huyện C. Theo đó, Hội đồng thẩm định bồi thường thành phố không chấp thuận bồi thường phần diện tích đất rạch 124,3m² cho bà H và đề nghị UBND huyện C khẩn trương rà soát các trường hợp tương tự bà Dương Thị H để thực hiện đúng quy định của pháp luật về quản lý đất đai.

Sau khi UBND huyện C ban hành Quyết định giải quyết khiếu nại thì 03 người con của bà H là bà Dương Thị Cẩm T, bà Lê Cẩm H1 và ông Phan Duy T1 tiếp tục đi khiếu nại đến Thanh tra Thành phố Hồ Chí Minh.

Tại buổi làm việc lần 1 vào ngày 11/4/2016, Thanh tra Thành phố đề nghị UBND xã B có văn bản báo cáo rõ thời điểm tạo lập nhà và các tài liệu xác minh năm xây dựng nhà của bà H và các người con cung cấp cho Thanh tra Thành phố xem xét giải quyết.

Ngày 05/5/2016, UBND xã B có Báo cáo số 294/BC – UBND báo cáo về việc thẩm tra, xác minh mốc thời gian xây dựng nhà của bà H và 03 người con như sau:

+ Nhà bà Dương Thị H có thời điểm xây dựng vào năm 2010.

+ Nhà ông Phan Duy T1 có thời điểm xây dựng vào năm 2004 (lý do nhà ông T2 xây dựng bị hoán đổi đất).

+ Nhà của bà Dương Thị Cẩm T xây dựng vào thời điểm năm 2006 (nhà chính xây tường gạch, mái tole, nền gạch men) và phần mái tole liền kề được xây dựng vào năm 2007.

+ Nhà của bà Lê Cẩm H1 có thời điểm xây dựng khoảng năm 2009 đến năm 2010.

Sau khi nghe UBND xã B có Báo cáo số 294/BC – UBND báo cáo về việc thẩm tra, xác minh mốc thời gian xây dựng nhà của bà H và 03 người con, Thanh tra Thành phố có ý kiến tại buổi làm việc lần 2 vào ngày 17/5/2014: Ghi nhận ý kiến của UBND huyện C, Thanh tra Thành phố sẽ có văn bản chuyển hồ sơ của bà Lê Cẩm H1, bà Dương Thị Cẩm T, ông Phan Duy T1 để UBND huyện C rà soát, giải quyết lại theo quy định, vì Thanh tra Thành phố cho rằng:

+ Theo tài liệu kỹ thuật số đo đạc năm 2003 thì những căn nhà trên không thể hiện nhà ở thời điểm năm 2003 và Báo cáo số 294/BC – UBND báo cáo về việc thẩm tra, xác minh mốc thời gian sử dụng nhà của bà H và 03 người con so với Báo cáo số 45/BC-UBND của UBND xã B về việc thẩm tra, xác minh mốc thời gian xây dựng, cải tạo sửa chữa nhà của bà Dương Thị H và các con bà H và Văn bản của Hội đồng bồi thường dự án xin ý kiến Hội đồng thẩm định bồi thường thành phố là không thống nhất về thời điểm xây dựng của các căn nhà.

Ngày 24/05/2016 Thanh tra Thành phố có Văn bản số 693/TTTP-P3 về việc giải quyết khiếu nại của 03 hộ dân huyện C, theo đó Thanh tra Thành phố thông báo đến Chủ tịch UBND huyện C về việc chấm dứt thụ lý đơn khiếu nại của hộ bà Lê Cẩm H1, bà Dương Thị Cẩm T, ông Phan Duy T1 tại Thanh tra Thành phố và chuyển vụ việc khiếu nại nêu trên để UBND huyện C tự kiểm tra, rà soát theo quy định và thẩm quyền.

Ngày 19/8/2016 UBND huyện C ban hành Quyết định số 6775/QĐ-UBND về việc thu hồi Quyết định số 879/QĐ-UBND ngày 02/02/2016 về giải quyết đơn khiếu nại của bà Dương Thị Cẩm T, ban hành Quyết định 6774/QĐ-UBND về việc thu hồi Quyết định số 880/QĐ-UBND ngày 02/02/2016 về giải quyết đơn khiếu nại của bà Lê Cẩm H1 và ban hành Quyết định số 6776/QĐ-UBND về việc thu hồi Quyết định số 879/QĐ-UBND ngày 02/02/2016 về giải quyết đơn khiếu nại của ông Phan Duy T1 của Chủ tịch UBND huyện C với lý do: Thời điểm xây dựng nhà của 03 hộ này là sau ngày 22/4/2002 (theo báo cáo số 294/BC-UBND ngày 05/5/2016 của UBND xã B).

Thực hiện theo Thông báo số 1463/TB-VP ngày 25/8/2016 của Văn phòng Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân về việc giải quyết một số tồn tại trong việc bồi thường hộ bà Dương Thị H. Ban Bồi thường – giải phóng mặt bằng huyện tham mưu ban hành Quyết định hủy bỏ Quyết định bồi thường cho 03 người con bà H đồng thời tham mưu ban hành Quyết định số 6886/QĐ-UBND ngày 24/8/2016 về việc thu hồi, hủy bỏ Quyết định số 7303/QĐ-UBND ngày 01 tháng 10 năm 2015 của UBND huyện C về việc bồi thường, hỗ trợ thiệt hại và tái định cư trong dự án đầu tư sửa chữa, nâng cấp đường Tỉnh lộ 9 (10 cầu) xã B, huyện C, Thành phố Hồ Chí Minh, đối với ông(bà) Dương Thị H để ban hành lại Quyết định bồi thường cho bà Dương Thị H đúng theo quy định.

Ngày 30/8/2016 UBND huyện ban hành Quyết định số 7035/QĐ-UBND về việc bồi thường, hỗ trợ thiệt hại và tái định cư trong dự án đầu tư sửa chữa, nâng cấp đường Tỉnh lộ 9 (10 cầu) xã B, huyện C, Thành phố Hồ Chí Minh, đối với ông(bà) Dương Thị H với số tiền: 778.983.269 đồng, bao gồm: Đất nông nghiệp trong khu dân cư mặt tiền đường T: $869,6m^2 \times 802.500$ đồng = 697.854.000 đồng; Cây cối hoa màu: 31.189.000 đồng; Tài sản khác: 49.940.269 đồng.

Trên đây là pháp lý để thực hiện dự án và nội dung giải quyết việc bồi thường, hỗ trợ và tái định cư cho hộ bà Dương Thị H. Về quan điểm của UBND huyện C là giữ nguyên Quyết định số 11784/QĐ-UBND ngày 24/12/2012 của UBND huyện C về thu hồi đất bị ảnh hưởng bởi dự án đầu tư sửa chữa, nâng cấp đường Tỉnh lộ 9 (10 cầu), xã B, huyện C đối với bà Dương Thị H; Quyết định số 6511/QĐ-UBND ngày 26/8/2015 về việc điều chỉnh một phần Quyết định số 11784/QĐ-UBND ngày 24/12/2012 của UBND huyện C về thu hồi đất bị ảnh hưởng bởi dự án đầu tư sửa chữa, nâng cấp đường Tỉnh lộ 9 (10 cầu), xã B, huyện C đối với bà Dương Thị H; Quyết định số 6886/QĐ-UBND ngày 24/8/2016 về việc thu hồi, hủy bỏ Quyết định số 7303/QĐ-UBND ngày 01 tháng 10 năm 2015 của UBND huyện C về việc bồi thường, hỗ trợ thiệt hại và tái định cư trong dự án đầu tư sửa chữa, nâng cấp đường Tỉnh lộ 9 (10 cầu) xã B, huyện C, Thành phố Hồ Chí Minh, đối với ông(bà) Dương Thị H; Quyết định số 7035/QĐ-UBND ngày 30/8/2016 của UBND huyện C về việc bồi thường, hỗ trợ thiệt hại và tái định cư trong dự án đầu tư sửa chữa, nâng cấp đường Tỉnh lộ 9 (10 cầu) tại xã B, huyện C, thành phố Hồ Chí Minh đối với bà Dương Thị H.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Dương Thị Cẩm T, bà Lê Cẩm H1, ông Phan Duy T1 cùng trình bày:

Yêu cầu hủy các quyết định trên theo yêu cầu của bà H và áp giá mới theo giá thị trường để người dân có cuộc sống ổn định.

Tại Bản án hành chính sơ thẩm số 213/2024/HC-ST ngày 12 tháng 6 năm 2024 của Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh, đã tuyên xử:

1. Bác yêu cầu khởi kiện của bà Dương Thị H về việc yêu cầu hủy các Quyết định:

1.1 Hủy Quyết định số 11784/QĐ-UBND ngày 24/12/2012 của Ủy ban nhân dân huyện C về việc thu hồi đất bị ảnh hưởng bởi Dự án đầu tư sửa chữa, nâng cấp đường Tỉnh lộ 9 (10 cầu), tại xã B, huyện C đối với bà Dương Thị H;

1.2. Hủy Quyết định số 7035/QĐ-UBND ngày 30/8/2016 của Ủy ban nhân dân huyện C về việc bồi thường, hỗ trợ thiệt hại và tái định cư trong dự án đầu tư sửa chữa, nâng cấp đường Tỉnh lộ 9 (10 cầu), tại xã B, huyện C đối với bà Dương Thị H;

1.3. Quyết định số 6886/QĐ-UBND ngày 24/8/2016 của Ủy ban nhân dân huyện C về việc thu hồi, hủy bỏ Quyết định số 7303/QĐ-UBND ngày 01/10/2015 của Ủy ban nhân dân huyện C về việc bồi thường, hỗ trợ thiệt hại và tái định cư trong Dự án đầu tư sửa chữa, nâng cấp đường Tỉnh lộ 9 (10 cầu), tại xã B, huyện C đối với bà Dương Thị H.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn giải quyết các vấn đề liên quan đến án phí và quyền kháng cáo theo luật định.

Sau khi xét xử sơ thẩm;

Ngày 20 tháng 6 năm 2024, bà Dương Thị H làm đơn kháng cáo toàn bộ bản án hành chính sơ thẩm số 213/2024/HC-ST ngày 12 tháng 6 năm 2024 của Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

Người khởi kiện vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, yêu cầu kháng cáo, trình bày tranh luận: Người bị kiện ban hành các quyết định bồi thường đầu tiên đến các quyết định kế tiếp có sự mâu thuẫn, kéo dài để rồi bồi thường lần đầu là trên hai tỷ đồng nhưng kéo dài để bồi thường chỉ có hơn bảy trăm triệu đồng là thiệt thòi quyền lợi của bà H. Lần đầu áp giá bồi thường là năm triệu đồng/mét vuông, nhưng kéo dài để bồi thường giá thấp là không đúng pháp luật. Số đất bị thu hồi 806m² nhưng không mua được một nền tái định cư là không hợp lý. Thời điểm áp giá bồi thường vào năm 2015 nhưng tính theo giá năm 2012 là thực hiện không đúng quy định của Nghị định 69 của Chính phủ, nguyên nhân là do Ủy ban huyện xử lý chậm trễ, kéo dài thời gian giải quyết khiếu nại. Đề nghị Hội đồng

xét xử sửa bản án sơ thẩm theo hướng chấp nhận kháng cáo, hủy quyết định liên quan đến thu hồi, bồi thường đất của bà H.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của người bị kiện trình bày tranh luận: Việc bồi thường thời điểm năm 2012-2015 với giá năm triệu đồng/mét vuông là do có xác nhận của UBND xã xác nhận bà H và các con có 209m² đất ở nên mới có giá bồi thường đó. Sau đó bà H khiếu nại nên Ủy ban tách hồ sơ ra để xem xét giải quyết. Căn cứ tài liệu năm 2003 của Thanh tra xác định bà H và các con xây dựng nhà sau năm 2002 nên phải áp giá bồi thường lại là giá đất nông nghiệp trong khu dân cư. Lý do năm 2015 nhưng lại lấy giá bồi thường năm 2012 là do năm 2012 bà H khiếu nại liên tục mà đơn giá bồi thường đã được phê duyệt từ năm 2012. Đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo của người khởi kiện và giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh phát biểu quan điểm:

Về thủ tục tố tụng: Quá trình thụ lý giải quyết vụ án Tòa án cấp phúc thẩm đã thực hiện đúng quy định của pháp luật. Những người tham gia phiên tòa cũng đã thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ của mình theo luật định.

Về nội dung: Xét thấy Tòa án cấp sơ thẩm xét xử không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của người khởi kiện là có căn cứ, đúng pháp luật. Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 241 của Luật Tố tụng hành chính, không chấp nhận kháng cáo của người khởi kiện, giữ nguyên bản án hành chính sơ thẩm số 213/2024/HC-ST ngày 12 tháng 6 năm 2024 của Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục kháng cáo:

Sau khi xét xử sơ thẩm, ngày 20 tháng 6 năm 2024, bà Dương Thị H có làm đơn kháng cáo. Xét đơn kháng cáo thực hiện đúng theo trình tự, thủ tục quy định tại các Điều 55, Điều 204, Điều 205, Điều 206, Điều 209 của Luật Tố tụng hành chính nên được xem xét, xét xử theo trình tự phúc thẩm.

[2] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết:

Bà H khởi kiện yêu cầu hủy Quyết định số 11784/QĐ-UBND ngày 24/12/2012; hủy Quyết định số 7035/QĐ-UBND ngày 30/8/2016; hủy Quyết định

số 6886/QĐ-UBND ngày 24/8/2016 của UBND huyện C, Thành phố Hồ Chí Minh. Xét thấy các Quyết định trên được ban hành bởi cơ quan hành chính Nhà nước, thuộc đối tượng khởi kiện vụ án hành chính với quan hệ pháp luật tranh chấp là “Khiếu kiện quyết định hành chính trong lĩnh vực quản lý đất đai”. Tòa án cấp sơ thẩm đã xác định đúng quan hệ tranh chấp và giải quyết đúng thẩm quyền được pháp luật quy định tại khoản 1 Điều 30; Điều 32 của Luật Tổ tụng hành chính.

[3] Về sự vắng mặt của đương sự tại phiên tòa phúc thẩm:

Người bị kiện vắng mặt, có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt. Căn cứ khoản 4 Điều 225 của Luật Tổ tụng hành chính, Tòa án tiến hành phiên tòa phúc thẩm xét xử vắng mặt người bị kiện.

[4] Về nội dung giải quyết yêu cầu kháng cáo:

[4.1] Bà H khởi kiện các Quyết định số 11784/QĐ-UBND ngày 24/12/2012; Quyết định số 7035/QĐ-UBND ngày 30/8/2016; Quyết định số 6886/QĐ-UBND ngày 24/8/2016 của UBND huyện C, mặc dù Bà H không khởi kiện các Quyết định số 6511/QĐ-UBND ngày 26/8/2015; Quyết định số 7303/QĐ-UBND ngày 01/10/2015; Quyết định số 7776/QĐ-UBND ngày 05/8/2013; Quyết định 4815/QĐ-UBND ngày 01/7/2015 nhưng Tòa án cấp sơ thẩm vẫn xem xét tính hợp pháp của quyết định hành chính có liên quan theo quy định tại khoản 1 Điều 6 của Luật Tổ tụng hành chính là có căn cứ.

Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 452/QSDĐ/ĐG.CMXD ngày 24/12/1999 với tổng diện tích 4.566 m² thuộc các thửa 86 diện tích 1.949m² loại đất vườn, thửa 85 diện tích 1.835 loại đất màu, thửa 87 diện tích 736m² loại đất ao và thửa 420 diện tích 46m² loại đất thổ cư do chuyển mục đích từ đất thổ vườn sang đất thổ cư, thuộc tờ bản đồ số 11, tài liệu 02/CT-UB do UBND huyện C cấp cho bà Dương Thị H.

[4.2] Trong Dự án đầu tư xây dựng công trình sửa chữa, nâng cấp đường T (10 cầu) tại xã B, huyện C, Thành phố Hồ Chí Minh thì hộ bà Dương Thị H bị ảnh hưởng phần đất có tổng diện tích 820.7m²/3.889,1m² thuộc một phần các thửa 86, 87, tờ bản đồ số 11 (tài liệu bản đồ 02/CT-UB) và một phần thửa 558 và rạch, tờ bản đồ số 24, theo tài liệu bản đồ kỹ thuật số, bộ địa chính xã B. Từ đó UBND huyện C ban hành các quyết định như sau: Quyết định số 11784/QĐ-UBND ngày 24/12/2012 của UBND huyện C về việc thu hồi đất đối với bà H theo đó thu hồi 820,70m² đất; Quyết định số 7776/QĐ-UBND ngày 05/8/2013 về việc bồi thường, hỗ trợ thiệt hại và tái định cư, thì UBND huyện C bồi thường cho bà H với số tiền: 2.283.085.219 đồng. Không đồng ý với Quyết định bồi thường nêu trên, Bà H làm đơn khởi kiện tại Tòa án nhân dân huyện Củ Chi, sau 02 buổi đối thoại tại Tòa án

huyện, Ban Bồi thường thiệt hại và giải phóng mặt bằng huyện C có báo cáo Hội đồng bồi thường dự án về trường hợp hộ Bà Dương Thị H đề nghị tách hồ sơ bồi thường riêng cho bà H và các con bà H. Bà H và các con bà H không đồng ý nên tiếp tục khiếu nại; Quyết định số 4815/QĐ-UBND ngày 01/7/2015 của UBND huyện C về việc thu hồi, hủy bỏ Quyết định số 7776/QĐ-UBND ngày 05/8/2013 của UBND huyện C; Văn bản số 693/TTTP-P3 ngày 24/05/2016 của Thanh tra thành phố, theo đó thông báo đến Chủ tịch UBND huyện C về việc chấm dứt thụ lý đơn khiếu nại của hộ bà Lê Cẩm H1, bà Dương Thị Cẩm T, ông Phan Duy T1 tại Thanh tra thành phố và chuyển vụ việc khiếu nại nêu trên để UBND huyện C kiểm tra, rà soát theo quy định và thẩm quyền; Quyết định số 6511/QĐ-UBND ngày 26/8/2015 về việc điều chỉnh một phần Quyết định số 11784/QĐ-UBND ngày 24/12/2012 của UBND huyện C về thu hồi đất đối với bà Dương Thị H, theo đó điều chỉnh: Từ: “*Thu hồi 820,7m² đất của bà Dương Thị H cư ngụ tại ấp E, xã B, thuộc thửa đất số 94-1, 95-1, 558-1 và rạch; tờ bản đồ số 24 (theo tài liệu đo đạc năm 2003), thành thu hồi 869,6m² đất của bà H tờ bản đồ số 11 (tài liệu bản đồ 02/CT-UB) và một phần thửa 558 và rạch, thuộc thửa đất số 94-1, 95-1, 558-1 và rạch, @ đường; tờ bản đồ số 24 (theo tài liệu đo đạc năm 2003). Diện tích có tăng 48,9m² do bổ sung phần diện tích @ đường*”; Quyết định số 7303/QĐ-UBND ngày 01/10/2015 về việc bồi thường, hỗ trợ thiệt hại và tái định cư, thì UBND huyện C bồi thường cho bà H với số tiền: 1.380.821.698đ; Quyết định số 6886/QĐ-UBND ngày 24/8/2016 của UBND huyện C về việc thu hồi, hủy bỏ Quyết định số 7303/QĐ-UBND ngày 01/10/2015 của UBND huyện C (để ban hành quyết định bồi thường cho bà H đúng quy định).

Căn cứ Báo cáo số 634/BC-UBND ngày 23/9/2014 của UBND xã B thì: “bà Dương Thị H nhà cũ nằm ngoài ranh dự án và đã chuyển nhượng, nhà mới xây dựng năm 2010.”

Căn cứ Báo cáo số 294/BC – UBND ngày 05/5/2016 của UBND xã B về việc thẩm tra, xác minh mốc thời gian xây dựng nhà của bà H và 03 người con như sau:

- + Nhà bà Dương Thị H có thời điểm xây dựng vào năm 2010.
- + Nhà ông Phan Duy T1 có thời điểm xây dựng vào năm 2004 (lý do nhà ông T2 xây dựng bị hoán đổi đất).
- + Nhà của bà Dương Thị Cẩm T xây dựng vào thời điểm năm 2006 (nhà chính xây tường gạch, mái tole, nền gạch men) và phần mái tole liền kề được xây dựng vào năm 2007.
- + Nhà của bà Lê Cẩm H1 có thời điểm xây dựng khoảng năm 2009 đến năm 2010.

Như vậy, sau khi ban hành các quyết định về thu hồi, bồi thường, hỗ trợ và tái định cư để thực hiện dự án. Do có khiếu nại của hộ bà Dương Thị H nên Thanh

tra Nhà nước Thành phố H tiến hành thẩm định lại toàn bộ thời điểm xây dựng nhà của bà H và có căn cứ xác định nhà ở hộ bà H đã xây dựng là sau ngày 22/4/2002. Từ đó UBND huyện C ban hành các quyết định để áp giá bồi thường lại theo đúng quy định của pháp luật nên có việc bồi thường ít lại là có căn cứ. Do đất hộ bà H được xác định là đất nông nghiệp nên được bồi thường theo giá đất nông nghiệp nên không thể so sánh với việc mua được hay không được nên tái định cư theo như trình bày của đại diện người khởi kiện được.

[4.3] Như vậy, UBND huyện C ban hành Quyết định hủy bỏ Quyết định bồi thường cho 03 người con bà H đồng thời ban hành Quyết định số 6886/QĐ-UBND ngày 24/8/2016 về việc thu hồi, hủy bỏ Quyết định số 7303/QĐ-UBND ngày 01 tháng 10 năm 2015 của UBND huyện C đối với bà H để ban hành lại Quyết định bồi thường cho bà Dương Thị H đúng theo quy định. Trên cơ sở đó, UBND huyện C đã căn cứ điểm c khoản 2 Phần V Phương án 17PABT ngày 28/11/2012 để ban hành Quyết định số 7035/QĐ-UBND ngày 30/8/2016 về việc bồi thường, hỗ trợ thiệt hại và tái định cư cho bà H với số tiền: 778.983.269 đồng, bao gồm: Đất nông nghiệp trong khu dân cư mặt tiền đường T: $869,6m^2 \times 802.500$ đồng = 697.854.000 đồng; Cây cối hoa màu: 31.189.000 đồng; Tài sản khác: 49.940.269 đồng là có căn cứ. Nhận thấy, UBND huyện C ban hành các Quyết định số 11784/QĐ-UBND ngày 24/12/2012; Quyết định số 7035/QĐ-UBND ngày 30/8/2016; Quyết định số 6886/QĐ-UBND ngày 24/8/2016 Quyết định số 6511/QĐ-UBND ngày 26/8/2015; Quyết định số 7303/QĐ-UBND ngày 01/10/2015; Quyết định số 7776/QĐ-UBND ngày 05/8/2013; Quyết định 4815/QĐ-UBND ngày 01/7/2015 đối với bà H là có căn cứ, Tòa án cấp sơ thẩm không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Dương Thị H là có cơ sở, đúng quy định pháp luật.

Tại phiên tòa, người đại diện theo ủy quyền của người khởi kiện cũng không cung cấp được chứng cứ gì chứng minh cho yêu cầu khởi kiện nên yêu cầu kháng cáo của bà H là không có cơ sở để xem xét.

[5] Từ những nhận định trên, xét thấy kháng cáo của người khởi kiện là không có căn cứ nên Hội đồng xét xử không chấp nhận, giữ nguyên bản án sơ thẩm. Ý kiến đề nghị của Kiểm sát viên tại phiên tòa là có căn cứ nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[6] Về án phí hành chính phúc thẩm: Do không chấp nhận kháng cáo nên bà Dương Thị H phải chịu án phí hành chính phúc thẩm. Bà H là người cao tuổi nên được miễn án phí hành chính phúc thẩm theo luật định.

[7] Các phần quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, không bị kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật thi hành.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 241 của Luật Tổ tụng hành chính.

Không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bà Dương Thị H.

Giữ nguyên Bản án hành chính sơ thẩm số 213/2024/HC-ST ngày 12 tháng 6 năm 2024 của Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh.

Căn cứ Khoản 1 Điều 30; Điều 32; Điều 116; Điều 158; Điểm a Khoản 2 Điều 193; Điều 206 của Luật Tổ tụng hành chính;

Căn cứ Luật Đất đai năm 2013 cùng các Điều, Luật đã viện dẫn.

Căn cứ Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

1. Bác yêu cầu khởi kiện của bà Dương Thị H về việc yêu cầu hủy các Quyết định:

1.1 Hủy Quyết định số 11784/QĐ-UBND ngày 24/12/2012 của Ủy ban nhân dân huyện C về việc thu hồi đất bị ảnh hưởng bởi Dự án đầu tư sửa chữa, nâng cấp đường Tỉnh lộ 9 (10 cầu), tại xã B, huyện C đối với bà Dương Thị H;

1.2. Hủy Quyết định số 7035/QĐ-UBND ngày 30/8/2016 của Ủy ban nhân dân huyện C về việc bồi thường, hỗ trợ thiệt hại và tái định cư trong dự án đầu tư sửa chữa, nâng cấp đường Tỉnh lộ 9 (10 cầu), tại xã B, huyện C đối với bà Dương Thị H;

1.3. Hủy Quyết định số 6886/QĐ-UBND ngày 24/8/2016 của Ủy ban nhân dân huyện C về việc thu hồi, hủy bỏ Quyết định số 7303/QĐ-UBND ngày 01/10/2015 của Ủy ban nhân dân huyện C về việc bồi thường, hỗ trợ thiệt hại và tái định cư trong Dự án đầu tư sửa chữa, nâng cấp đường Tỉnh lộ 9 (10 cầu), tại xã B, huyện C đối với bà Dương Thị H.

2. Về án phí hành chính phúc thẩm: Bà Dương Thị H được miễn án phí hành chính phúc thẩm.

3. Các phần khác của Bản án hành chính sơ thẩm không có kháng cáo, không bị kháng nghị có hiệu lực pháp luật.

4. Bản án phúc thẩm có hiệu lực thi hành kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân tối cao;
- VKSND cấp cao tại TP.HCM;
- VKSND TP.HCM;
- TAND TP.HCM;
- Cục THADS TP.HCM;
- Những người tham gia tố tụng;
- Lưu VP; HSVA; NVK.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Hồ Tâm Tú